

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-PT
Ngày 14-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Hải Vinh;
2. Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 281/TLPT-HS ngày 06/10/2021 đối với bị cáo Hà Thị Ng, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2021/HS-ST ngày 14/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Hà Thị Ng**, sinh năm 1967; Tên gọi khác: Không; Tại: Bắc Giang. Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Số X, đường QT, phường TP, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 8/10. Con ông: Hà Văn Tr, sinh năm 1933 và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1942. Gia đình có 07 chị em, bị cáo là con thứ 2. Chồng: Nguyễn Đức M, sinh năm 1960; Con: 04 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2009.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2021 đến ngày 11/02/2021 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, hiện tại ngoại.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên từ lâu nên Hà Thị Ng, sinh năm 1967, trú tại số nhà X đường QT, phường TP, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã nhiều lần cho bà Trần Thị Ch, sinh năm 1960, trú tại thôn PH, xã SM, thành phố B, tỉnh Bắc Giang vay tiền dưới hình thức bắt họ trả góp theo ngày. Bà Ch đã vay của Ng nhiều lần với số tiền từng lần vay khác nhau và mức lãi suất khác nhau tùy theo số lượng tiền vay (có quy định thời hạn vay của từng lần vay). Nếu mã vay trước hết thời hạn vay như

thỏa thuận mà bà Ch chưa trả hết thì số tiền còn nợ lại sẽ được chuyển thành gốc vay của mã vay sau. Đến ngày 29/10/2019, Ng và bà Ch đã cùng nhau chốt lại tổng số tiền gốc và lãi bà Ch chưa trả cho Ng là 312.000.000 đồng và được thống nhất tính thành tiền gốc vay tính từ ngày 29/10/2019. Do sau đó bà Ch không trả tiền (đóng họ hàng ngày) như thỏa thuận nên ngày 08/12/2019, Hà Thị Ng đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Tại Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 29/4/2020, Tòa án nhân dân thành phố B tuyên xử buộc bà Trần Thị Ch phải trả cho Hà Thị Ng số tiền tổng cộng là: 202.405.300 đồng, trong đó: gốc vay là 194.138.900 đồng, tiền lãi là 8.266.400 đồng. Bà Ch không đồng ý với Quyết định tại bản án số 12/2020/DS-ST ngày 29/4/2010 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Ngày 11/7/2020 bà Ch có đơn tố giác về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Hà Thị Ng đến Công an thành phố B (ngoài những khoản vay mà Tòa án đã giải quyết). Bà Ch giao nộp cho cơ quan điều tra một số tài liệu, sổ sách ghi chép có liên quan đến việc thu tiền họ của Ng gồm 03 quyển sổ tay và 02 tập tài liệu:

- 01(một) quyển sổ tay nhãn hiệu BUSINESS Hải Tiên, bìa màu đỏ, kích thước (dài x rộng)=(15x10)cm, bên trong gồm có 114 trang được đánh số thứ tự bằng bút mực màu đỏ trên đỉnh mỗi trang. Trong đó từ trang số 01 đến trang số 08 có chữ viết, chữ số và chữ ký; từ trang số 104 đến trang số 114 có chữ số, chữ viết, chữ ký (viết ngược sổ).

- 01(một) quyển sổ tay nhãn hiệu HHT, không có bìa, kích thước (dài x rộng)=(14x10)cm, được đánh số thứ tự bằng bút mực màu đỏ trên đỉnh mỗi trang giấy từ 01 đến 150. Trong đó từ trang số 01 đến trang số 31 (trừ các trang số 2,4,6,8,26,29) đều có ghi chữ viết, chữ số và chữ ký ; từ trang số 143 đến trang số 150 có chữ số, chữ viết, chữ ký (viết ngược sổ).

- 01(một) quyển sổ tay nhãn hiệu Hải Tiên, bìa màu đen, kích thước (dài x rộng)=(15x10,5)cm, được đánh số thứ tự bằng bút mực màu đỏ trên đỉnh mỗi trang giấy từ 01 đến 156. Trong đó từ trang số 01 đến trang số 42 (trừ các trang số 3,26,27,36,37,40) đều có ghi chữ viết, chữ số và chữ ký; từ trang số 150 đến trang số 156 có chữ số, chữ viết, chữ ký.

- 01(một) tập tài liệu gồm 19 trang giấy, loại giấy sổ tay cá nhân, kích thước (dài x rộng)=(14,5x10)cm, được đánh số thứ tự bằng bút mực màu đỏ trên đỉnh mỗi trang giấy. Trên các trang giấy (trừ các trang số 2,6,7,10,12,13,14) đều có ghi chữ viết, chữ số và chữ ký.

- 01(một) tập tài liệu gồm 12 trang giấy nhãn hiệu HHT, kích thước (dài x rộng)=(23,5x16,5)cm, được đánh số thứ tự bằng bút mực màu đỏ trên đỉnh mỗi trang giấy từ 01 đến 12. Trên các trang giấy số 2,3,4,5,6,7,8,9,11 đều có ghi chữ viết, chữ số và chữ ký.

Tại bản Kết luận giám định số 1361/KL-KTHS ngày 24/9/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ ký của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu

(ký hiệu từ M1 đến M4) do chữ ký cần giám định và chữ ký mẫu so sánh khác dạng nhau.

2. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 - trừ chữ viết "Mai nhận của chị 7T500" ở trang 1; "ngày 22/10: Dương nhận 3T900 (Ba triệu chín trăm chẵn) của em Ng Anh - Dương ở trang 33; "6/1 âm Mai nhận của chị #T900 ba triệu chín trăm - 24/3 âm Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm ở trang 150 ; "Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm - 16/1 âm Mai nhận của chị 3T ba triệu chín - 17/1 âm Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm - 18/1 Mai nhận 3T900 ba triệu chín - 19/1 âm mai nhận của chị 3T9 ba triệu chín trăm" ở trang 151 ; "nhận của chị 7T bảy triệu - ngày 4/11 Mai nhận 2T900 - ngày 5/11 Mai nhận 2T400 - ngày 1/12 âm = 2T - 6/12 âm = 2T" ở trang 152 ; chữ viết ở các trang 153, 154, 156 ; chữ viết mực màu đỏ, màu đen ở trang 155) so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2 - trừ chữ viết "2T600" tại dòng "26.9", "1/10 2T600 - 4/10 3000 - 7/10 300" ở trang 4; "17/2 Cháu Tuấn nhận 2T900 - 17/1 2T900 - 18/1 2T900 - 5/2 2T900" ở trang 105; "8/11 2.600 Hà - 10/11 2.600 Dương - 11/11 2.600 Hà - 12/11 2T500 - 16/11 2600 - 21/4 thiếu 100 - 20/11 2T600 - 20/11 300 - 21/11 2T600 - 21/4 300" ở trang 109; chữ viết mực màu đỏ ở trang 113; "9/01 Mai nhận 2T - 26-13/ 78-26/ 338" ở trang 114) so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3 - trừ chữ viết "25/2 4T bốn triệu - ngày 29/2 cháu Dương nhận 2T000 Dương - 2/3 âm Mai nhận 6T Sáu triệu" ở trang 10 ; "18/2 âm - 4T00000 bốn triệu - 20/2 âm 4T bốn triệu - 22/2 âm 2T Hai triệu" ở trang 11 ; "5/3 âm Mai nhận 2T - 6/3 âm Mai nhận 2T - 7/3 âm Mai nhận 2T - 8/3 âm Mai nhận 2T - 9/3 âm Mai nhận 2T - 10/3 âm Mai nhận 2T - 14/3 âm Mai nhận 2T" ở trang 12 ; "18/3 Mai nhận hai triệu - 19/3 Mai nhận hai triệu - 22/3 Mai nhận hai triệu - 23/3/ Mai nhận hai triệu - 24/3 Mai nhận hai triệu - 25/3 Mai nhận hai triệu - 28/3 hai triệu" ở trang 13 ; "1/4 âm hai triệu - 4/4 Mai hai triệu - 6/4 Mai hai triệu - 15/4 Dương hai triệu Dương" ở trang 14 ; "16/2T600 - 23/6 2900" ở trang 16 ; "24/6 2T900 - 25/6 2T900 - 9/7 2T850" ở trang 17 ; "2T600 - 2T còn thiếu 900" tại các dòng "26.8", "27.8" ở trang 27 ; "26.8 300" ở trang 143 ; "300" tại dòng "16.6" ở trang 144 ; "15/4 300 Dương - 19/4 300 - 24/4 300" ở trang 146; "22/3 300 - 23/3 300 - 24/3 300 - 25/3 300 - 28/3 300 - 01/4 300 - 4/4 300 - 15/4 300 Dương" ở trang 148 ; chữ viết ở trang 149 ; "26/1 Mai nhận của chị 3T800 ba triệu tám trăm - 28/1 âm Mai nhận 3T ba triệu - 2/2 âm Mai nhận của chị 7T900 bảy triệu chín trăm" ở trang 150) so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4 - trừ chữ viết ở trang 4 ; "2/8 300 - 3/8 300" ở trang 9 ; "2 - 8 - 900" ở trang 15) so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết ở trang 2 (trừ chữ viết "5HB - 260 - 41B - Chị nợ 0984272624") ; chữ viết "1/2019 Họ - Ng - 2900 Đủ - 2900 Đủ - 900" ở trang 3 ; "Tháng 2 2019 Thiếu", "2900 - 2900 - Đủ - Chùa Hương - 2900 - 19/2 2600 - 20/2 2600 - 21/2 2400 thiếu 200 - 22/2 800 còn thiếu 1600 - 23/2 thiếu 2100 - 400 còn nợ Ng 1700" tại các dòng 5, 8, 13, 15, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26 tính từ trên xuống dưới ở trang 4 ; chữ

viết ở các trang 5, 6 ; chữ viết ở trang 7 (trừ chữ viết "11/3 2.600 - 12/3 1T một triệu - 21/3 1.000") ; chữ viết ở trang 8 (trừ chữ viết "23/3 một triệu 1T") ; chữ viết ở trang 9 (trừ chữ viết "12/4 - 1T - Nhận 2T600 Hai triệu sáu trăm") ; chữ viết ở trang 11 (trừ chữ viết "11.7 - 300") trên tài liệu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

Ngày 09/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Thị Ng tại số nhà X đường QT, phường TP, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã phát hiện và tạm giữ:

- 01 quyển sổ bìa màu vàng, bên ngoài ghi 'SỔ KẾ TOÁN', loại 320 trang A4, nhãn hiệu HẢI TIẾN, gồm 83 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 83 trên đỉnh mỗi trang giấy. Trên các trang giấy từ 01 đến 61 có ghi chép, theo dõi những người khách hàng vay tiền của Hà Thị Ng từ năm 2017 đến tháng 12/2020.

- 01 quyển sổ bìa màu đỏ, mặt ngoài bìa không có chữ, nhãn hiệu HẢI TIẾN, bao gồm 202 trang giấy được đánh số thứ tự từ 01 đến 202 trên đỉnh mỗi trang giấy ghi chép việc buôn bán hàng quần áo và thu tiền họ của khách hàng từ năm 2016 đến tháng 12/2019.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1816/KL-KTHS ngày 17/12/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ ký dưới các dòng chữ: "Mai nhận của chị" ở trang 1; "3T900 ba triệu chín trăm" ở trang 150; "3T900 ba triệu chín trăm", "3T ba triệu chín", "3T900 ba triệu chín trăm", "3T900 ba triệu chín", "3T9 ba triệu chín trăm" ở trang 151; "nhận của chị 7T bảy triệu", "ngày 4/11 Mai nhận 2T900", "ngày 5/11 Mai nhận 2T400", "ngày 1/12 âm = 2T", "3/12 âm = 2T", "6/12 âm = 2T" ở trang 152; "Người nhận", "Chị Truyện = 3T600", "Ba triệu sáu trăm chẵn" ở trang 155 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký cùng dạng của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết có nội dung "Mai nhận của chị" ở trang 1; "6/1 âm Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm - 24/3 âm Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm" ở trang 150; "Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm - 16/1 âm Mai Nhận của của chị 3T ba triệu chín - 17/1 âm Mai nhận của chị 3T900 ba triệu chín trăm - 18/1 Mai nhận 3T900 ba triệu chín - 19/1 âm mai nhận của chị 3T9 ba triệu chín trăm" ở trang 151; "nhận của chị 7T bảy triệu - ngày 4/11 Mai nhận 2T900 - ngày 5/11 Mai nhận 2T400 - ngày 1/12 âm = 2T - 3/12 âm = 2T - 6/12 âm = 2T" ở trang 152; chữ viết mực màu đỏ, màu đen ở trang 155 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "ngày 22/10: Dương nhận 3T900 (Ba triệu chín trăm chẵn) của em Ng Anh - Dương" ở trang 33 ; "Hôm nay ngày 26/8/2017 cháu Dương nhận của bác Triện 7.300.000 (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng chẵn) - Ký tên: Dương - Hôm nay ngày 28/8/2017 cháu Dương nhận của bác Triện 7.260.000 (Bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn chẵn) - Dương" ở trang 154 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Thân Thị Thùy D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M12, M13, M14) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "Cháu Tuấn có nhận của Bác Triện 3.900.000 (Ba triệu chín) - Tuấn" ở trang 154 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của

Trần Ng T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M15, M16, M17) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "Ngày 29/6 nhuận Châu D con mẹ Ng nhận 7 triệu 280 nghìn" không phải do Trần Đức M, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D, Trần Ng T viết ra.

- Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ số mực màu đen ở các trang 153, 154; chữ số mực màu đen, màu đỏ ở trang 156 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Trần Đức M, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D, Trần Ng T do không đủ đặc điểm để kết luận giám định.

2. Chữ ký cuối các dòng chữ "26.9 2T600", "1/10 2T600", "4/10 3000", "7/10 300" ở trang 4; "17/1 2T900", "18/1 2T900", "5/2 2T900" ở trang 105; "12/11 2T500", "20/11 2T600", "20/11 300", "21/11 2T600", "21/11 300" ở trang 109; "9/01 Mai nhận 2T" ở trang 114 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký cùng dạng của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết có nội dung "2T600" tại dòng "26.9", "1/10 2T600 - 4/10 3000 - 7/10 300" ở trang 4; "17/1 2T900 - 18/1 2T900 - 5/2 2T900" ở trang 105; "12/11 2T500 - 21/11 thiếu 100 - 20/11 2T600 - 20/11 300 - 21/11 2T600 - 21/11 300" ở trang 109; "9/01 Mai nhận 2T" ở trang 114 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "17/2 Châu Tuấn nhận 2T900 - Tuấn" ở trang 105 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Ng T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M15, M16, M17) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "10/11 2.600 Dương" ở trang 109 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Thân Thị Thùy D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M12, M13, M14) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "8/11 2.600 Hà - - 11/11 2.600 Hà - 16/11 2600" ở trang 109 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Thu H (trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M9, M10, M11) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký ở cuối dòng chữ "16/11 2600" ở trang 109 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký cùng dạng của Trần Thu H (trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M9, M10, M11) là do cùng một người ký ra.

- Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ số mực màu đỏ ở trang 113 và chữ số "26-13/ 78-26/ 338" ở trang 114 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Đức M, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D, Trần Ng T do không đủ đặc điểm để kết luận giám định.

3. Chữ ký dưới các dòng chữ "25/2 4T Bốn triệu", "2/3 âm Mai nhận 6T Sáu triệu" ở trang 10; "18/2 âm 4T00000 bốn triệu", "20/2 âm 4T bốn triệu", "22/2 âm 2T Hai triệu" ở trang 11; chữ ký cuối các dòng chữ "5/3 âm Mai nhận 2T", "6/3 âm Mai nhận 2T", "7/3 âm Mai nhận 2T", "8/3 âm Mai nhận 2T", "9/3 âm Mai nhận 2T", "10/3 âm Mai nhận 2T", "14/3 âm Mai nhận 2T" ở trang 12; "18/3 Mai nhận hai triệu", "19/3 Mai nhận hai triệu", "22/3 Mai nhận hai triệu", "23/3 Mai nhận hai triệu", "24/3 Mai nhận hai triệu", "25/3 Mai nhận hai triệu", "28/3 hai triệu" ở trang 13; "1/4 âm hai triệu:", "4/4 Mai hai triệu", "6/4 Mai hai triệu" ở trang 14; "16/ 2T600 - 23/6 2900" ở trang 16; "24/6 2T900", "25/6 2T900", "9/7 2T850" ở trang 17; "2T

600", "2T còn thiếu 900" tại các dòng "26.8", "27.8" ở trang 27; "300" tại các dòng "25.8", "26.8" ở trang 143; "300" tại dòng "16.6" ở trang 144; "22/3 300", "23/3 300", "24/3 300", "25/3 300", "28/3 300", "01/4 300", "4/4 300" ở trang 148; "Bốn triệu" ở trang 149; chữ ký ở dưới các dòng chữ "26/1 Mai nhận của chị 3T800 ba triệu tám trăm", "28/1 âm Mai nhận 3T ba triệu", "2/2 âm Mai nhận của chị 7T900 bảy triệu chín trăm" ở trang 150 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký cùng dạng của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết có nội dung "25/2 4T Bốn triệu - 2/3 âm Mai nhận 6T Sáu triệu" ở trang 10; "18/2 âm 4T00000 bốn triệu - 20/2 âm 4T bốn triệu - 22/2 âm 2T Hai triệu" ở trang 11; "5/3 âm Mai nhận 2T - 6/3 âm Mai nhận 2T - 7/3 âm Mai nhận 2T - 8/3 âm Mai nhận 2T - 9/3 âm Mai nhận 2T - 10/3 âm Mai nhận 2T - 14/3 âm Mai nhận 2T" ở trang 12; "18/3 Mai nhận hai triệu - 19/3 Mai nhận hai triệu - 22/3 Mai nhận hai triệu - 23/3 Mai nhận hai triệu - 24/3 Mai nhận hai triệu - 25/3 Mai nhận hai triệu - 28/3 hai triệu" ở trang 13; "1/4 âm hai triệu - 4/4 Mai hai triệu - 6/4 Mai hai triệu" ở trang 14; "16/ 2T600 - 23/6 2900" ở trang 16; "24/6 2T900 - 25/6 2T900 - 9/7 2T850" ở trang 17; "2T 600 - 2T còn thiếu 900" tại các dòng "26.8", "27.8" ở trang 27; "300" tại dòng "26.8" ở trang 143; "300" tại dòng "16.6" ở trang 144; "22/3 300 - 23/3 300 - 24/3 300 - 25/3 300 - 28/3 300 - 01/4 300 - 4/4 300" ở trang 148; "10/2 âm lịch Mai nhận 4T (Bốn triệu) - 3 âm Mai nhận 4T (Bốn triệu)" ở trang 149; "26/1 Mai nhận của chị 3T800 ba triệu tám trăm - 28/1 âm Mai nhận 3T ba triệu - 2/2 âm Mai nhận của chị 7T900 bảy triệu chín trăm" ở trang 150 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung "ngày 29/2 cháu Dương nhận 2T000 Dương" ở trang 10; "15/4 Dương hai triệu Dương" ở trang 14; "15/4 300 Dương" ở trang 146; "300 Dương" ở trang 148 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Thân Thị Thùy D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M12, M13, M14) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết "Tuân - Trần Ng T" và chữ viết có nội dung "8/2/2018 Âm cháu Tuân lấy 3T900" so với chữ ký, chữ viết của Trần Ng T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M15, M16, M17) là do cùng một người ký, viết ra.

- Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ số "19/4 300 - 24/4 300" ở trang 146 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Trần Đức M, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D, Trần Ng T do không đủ đặc điểm để kết luận giám định.

4. Chữ ký tại các dòng chữ "2/8 300 - 3/8 300" ở trang 9; "2 - 8 - 900" ở trang 15 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký cùng dạng của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết có nội dung "2/8 300 - 3/8 300"; "2 - 8 - 900" ở trang 15 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ viết của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người viết ra.

5. Chữ ký cuối dòng chữ "24/2 1T500 + 1100" ở trang 4; "11/3 2.600", "12/3 1T một triệu", "21/3 1.000" ở trang 7; "23/3 một triệu 1T", "5/4 300 + 1T" ở trang 8; "12/4 - 1T", "Nhận 2T600 Hai triệu sáu trăm" ở trang 9; "11.7 - 300" ở trang 11 trên

tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký cùng dạng của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết có nội dung "24/2 1T500 + 1100" ở trang 4; "11/3 2.600 -12/3 1T một triệu - 21/3 1.000" ở trang 7; "23/3 một triệu 1T" ở trang 8; "12/4 - 1T - Nhận 2T600 Hai triệu sáu trăm" ở trang 9; "11.7 - 300" ở trang 11 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ viết của Trần Đức M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết "5HB - 260 - 41B - Chi ngõ 0984272624" ở trang 2; chữ viết ở trang 3 (trừ chữ viết "1/2019 Họ - Ng - 2900 Đủ - 2900 Đủ - 900"); chữ viết ở trang 4 (trừ chữ viết "Tháng 2 2019 Thiếu - 2900 - 2900 - Đủ - Chùa Hương - 2900 - 19/2 2600 - 20/2 2600 - 21/2 2400 thiếu 200 - 22/2 800 còn thiếu 1600 - 23/2 thiếu 2100 - 400 còn nợ Ng 1700" ở các dòng 1, 2, 5, 8, 13, 15, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26 tính từ trên xuống dưới ở trang 4 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) không phải do Trần Đức M, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D, Trần Ng T viết ra.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 597/KL-KTHS ngày 09/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ viết có nội dung "Ngày 29/6 nhuận Châu D con mẹ Ng nhận 7 triệu 280 nghìn" ở trang 156 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Trần Ng D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M15, M16, M17) là do cùng một người viết ra.

- Chữ số mực màu đen ở các trang 153, 154; chữ số mực màu đen, màu đỏ ở trang 156 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Trần Ng D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M18 đến M22) là không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ số mực màu đỏ ở trang 113 và chữ số "26-13/78-26/338" ở trang 114 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Ng D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M18 đến M22) là không phải do cùng một người viết ra.

- Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định các chữ số "19/4 300 - 24/4 300" ở trang 146 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Trần Ng D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M18 đến M22) do không đủ đặc điểm để kết luận giám định.

- Chữ viết "5HB - 260 - 41B - Chi ngõ 0984272624" ở trang 2; chữ viết ở trang 3 (trừ chữ viết "1/2019 Họ - Ng - 2900 Đủ - 2900 Đủ - 900"); chữ viết ở trang 4 (trừ chữ viết "Tháng 2 2019 Thiếu - 2900 - 2900 - Đủ - Chùa Hương - 2900 - 19/2 2600 - 20/2 2600 - 21/2 2400 thiếu 200 - 22/2 800 còn thiếu 1600 - 23/2 thiếu 2100 - 400 còn nợ Ng 1700" ở các dòng 1, 2, 5, 8, 13, 15, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26 tính từ trên xuống dưới ở trang 4 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ viết của Trần Ng D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M18 đến M22) là không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A6 - trừ chữ ký xác nhận mang tên Hà Thị Ng ở các trang giấy; chữ ký xác nhận ở cuối các dòng chữ tại trang 1; chữ ký mang tên Hoàng Thị Hoa L, chữ viết "Hôm nay ngày 13/7/2016 tôi có vay của chị Ng số tiền là 3.000.000 đ (ba triệu đồng chẵn) - Hoàng Thị Hoa L" ở trang 29, "8/8 Thủy Nhân 5,135,000" ở trang 40; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh ở trang 44; chữ ký, chữ viết mang tên Dương Ng T, Đàm Thị S, Đinh Văn Lĩnh ở trang 48; các chữ ký ở trang 49 và chữ viết "23/8/2016 T vay 3.000.000 Ba triệu - Dương Ng T - bà S" ở trang 49; chữ ký mang tên Vũ Nhật A, chữ viết có nội dung "Bà S lấy

của cháu Ng - S - Đàm Thị S - Ngày 12/9. Em Vũ Nhật A nhận tiền đáo hạn cho Đàm Thị S số tiền là 50.000.000 đ đáo hạn cho ngày 24/9 hết. Đã nhận đủ số tiền là 50.000.000 đ - Vũ Nhật A" ở trang 58) so với chữ viết của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

- Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định chữ ký xác nhận mang tên Hà Thị Ng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Hà Thị Ng trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) do chữ ký cần giám định và mẫu so sánh khác dạng nhau.

Quá trình điều tra đã xác định được Hà Thị Ng đã cho Trần Thị Ch vay lãi nặng với hình thức bóc lột họ như sau: Quy định vay bắt từ 5.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Trong đó theo Ng và Ch khai bắt 200.000.000 đồng là bắt tổng hợp của nhiều bắt mà Ch đã vay trước đó nhưng đến hạn chưa trả hết thì sẽ được tổng hợp phần chưa trả thành gốc của bắt vay mới gọi là đáo hạn. Thời hạn vay và mức tiền đóng của các bắt như sau:

- Bắt 5.000.000 đồng, trả trong 30 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng; tiền lãi Ng thu của bà Ch là 2.500.000 đồng tương đương là 1,68%/1 ngày, 50,4%/ 1 tháng, 604,8%/1 năm gấp 30,5 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Bắt 10.000.000 đồng, trả trong 50 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng; tiền lãi Ng thu của bà Ch đối với bắt họ này là 5.000.000 đồng tương đương lãi suất 1%/1 ngày; 30%/1 tháng; 365%/1 năm gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Bắt 20.000.000 đồng, trả trong 100 ngày, mỗi ngày 300.000 đồng; tiền lãi Ng thu của bà Ch đối với bắt họ này là 10.000.000 đồng tương đương với lãi suất 1%/1 ngày; 30%/1 tháng; 365%/1 năm gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Bắt 200.000.000 đồng, trả trong 100 ngày, mỗi ngày 2.600.000 đồng; tiền lãi Ng thu của bà Ch đối với bắt họ này là 60.000.000 đồng tương đương với lãi suất 0,3%/1 ngày; 9% /1 tháng; 109,5%/ 1 năm gấp 5,5 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ xác định từ ngày 05/5/2018 (tức ngày 20/3/2018 âm lịch) đến ngày 08/10/2019 (tức ngày 10/9/2019 âm lịch), Hà Thị Ng đã cho bà Ch vay tổng số 12 bắt họ, cụ thể như sau:

- Ngày 10/9/2019 (âm lịch) Hà Thị Ng cho bà Ch vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi Ng thu của bà Ch đối với bắt họ này là 2.500.000 đồng; số tiền thu lời bắt chính là 2.417.500 đồng;

- Vào các ngày 20/3/2018 (âm lịch); 14/4/2018 (âm lịch); Ngày 06/7/2018 (âm lịch); ngày 11/9/2018 (âm lịch), ngày 17/11/2018 (âm lịch), ngày 21/7/2019 (âm lịch) Hà Thị Ng cho bà Ch vay 06 bắt 10 triệu đồng, tiền lãi Ng thu được của 06 bắt 10 triệu này là 30.000.000 đồng (5 triệu/ 1 bắt); số tiền thu lời bắt chính là 28.350.000 đồng (4.725.000 đồng/01 bắt);

Ngày 01/6/2018 (âm lịch) Hà Thị Ng cho bà Ch vay số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi Ng thu được của bà Ch là 10 triệu đồng; số tiền thu lời bắt chính là 9.450.000 đồng;

- Ngày 16/4/2018 (âm lịch); ngày 30/7/2018 (âm lịch); ngày 06/11/2018 (âm lịch), 21/7/2019 (âm lịch) Hà Thị Ng cho bà Ch vay số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi Ng thu được của 04 bát trên là 240.000.000 đồng (60 triệu đồng/ 01 bát); số tiền thu lời bất chính là 196.000.000 đồng (49.000.000 đồng/01 bát);

Tổng số tiền Ng đã cho bà Ch vay là: 885.000.000 đồng. Số tiền lãi bị cáo Ng đã thu của bà Ch là: 282.500.000 đồng.

Tổng số tiền lãi theo pháp luật bị can Ng được hưởng là: 46.282.500 đồng.

Số tiền bị can Hà Thị Ng thu lợi bất chính đối với các mã cho bà Ch vay nêu trên là: 236.217.500 đồng.

Hàng ngày, Ng sẽ trực tiếp đến nhà bà Ch để thu tiền họ, sau đó ghi ngày, tháng, số tiền thu và ký tên xác nhận vào sổ tay theo dõi do bà Ch quản lý. Những ngày do công việc bận không thể đến nhà bà Ch để thu tiền họ thì Ng đã nhờ chồng là Trần Đức Mãi, sinh năm 1960; con là: Trần Ng T, sinh năm 1990; Trần Ng D, sinh năm 1999; Trần Thu H, sinh năm 1991 và con dâu là: Thân Thị Thùy D, sinh năm 1986 đến nhà bà Ch thu tiền hộ Ng.

Quá trình điều tra, Ng còn khai nhận có hành vi cho vay lãi nặng đối với anh Nguyễn Văn Giang, sinh năm 1989, trú tại thôn PH, xã SM, thành phố, Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 02/02/2019, anh Giang đã vay của Ng số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, mỗi tháng trả 450.000 đồng. Khi làm thủ tục vay Ng yêu cầu anh Giang viết giấy nhận tiền với nội dung xin cho con trai Ng vào làm việc tại Trạm xá xã SM, TP Bắc Giang. Anh Giang đã trả cho Ng 03 tháng tiền lãi là 1.350.000 đồng, sau đó trả hết tiền gốc là 5.000.000 đồng. Hiện nay anh Giang đã trả hết tiền nợ cho Ng. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất cao nhất mà Ng được hưởng là 20%/năm, như vậy số tiền thu lợi bất chính của Ng trong khoản vay của anh Giang là 1.102.500 đồng. Đến nay anh Giang không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Ngoài những khoản cho vay trên, Ng còn khai nhận cho bà Ch vay nhiều mã vay khác nhưng không tính lãi suất; cho nhiều người khác vay tiền nhưng không lấy lãi, có người tính lãi theo lãi suất ngân hàng do có mối quan hệ quen biết, quan hệ thông gia nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với những khoản tiền Ng cho vay có ghi chép trong sổ nhưng không biết tên địa chỉ cụ thể người vay, một số người vay có tên tuổi địa chỉ nhưng qua xác minh vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, có kết quả sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với các khoản vay Hà Thị Ng cho vay lãi trong năm 2017, do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với những người đi thu họ của bà Ch là ông Trần Đức Mãi, anh Trần Ng T, anh Trần Ng D, Trần Thu H, Thân Thị Thùy D đến nhà bà Ch thu tiền hộ Ng, không biết việc vay tiền như thế nào nên không đồng phạm với Hà Thị Ng, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, vỏ màu đen, lắp sim 0335.036.963, có số IMEI1: 351580078339237, số IMEI 2: 351580078339245, đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để bảo quản theo quy định. Đối với số tiền 203.100.000 đồng trong đó có 167.000.000 đồng là tiền Ng tự giao nộp để đảm bảo thi hành án, còn 36.100.000 đồng là tiền của chị Hà Thị Hiệp-em gái của

Ng, Cơ quan điều tra đã gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang để bảo quản theo quy định. Những đồ vật, tài liệu khác được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Hà Thị Ng đã bồi thường cho bà Ch là 100.000.000 đồng. Đến nay, bà Ch không yêu cầu đề nghị gì về giải quyết dân sự nữa và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà Thị Ng.

Quá trình điều tra, bị cáo Hà Ng đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 104/CT-VKS ngày 31/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hà Thị Ng về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2021/HS-ST ngày 14/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xét xử và quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thị Ng 07 (bảy) tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 09/01/2021 đến ngày 11/02/2021.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Hà Thị Ng phải nộp lại tổng số tiền 936.530.000 đồng (trong đó: Số tiền gốc cho vay là 890.000.000đ và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 46.530.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 167.000.000 đồng bị cáo nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra và đã được gửi tại kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang theo Công văn số 1160/CV-CQĐT ngày 03/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra và theo Phiếu nhập kho ngày 04/5/2021 của Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang. Bị cáo còn phải nộp tổng số tiền là 769.530.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Hà Thị Ng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, vỏ màu đen, lắp sim 0335.036.963, có số IMEI1: 351580078339237, số IMEI2: 351580078339245 đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại chị Hà Thị Hiệp số tiền 36.100.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2021, bị cáo Hà Thị Ng nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo và giảm hình phạt tiền cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Hà Thị Ng thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo sang áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cho bị cáo ở mức thấp nhất, với lý do: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Trần Thị Ch, đến nay bà Ch không còn vướng mắc, yêu cầu gì về bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình sinh sống, lao động bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của nhà nước; được các tổ chức ghi nhận và tặng thưởng nhiều giấy khen. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục nộp lại đầy đủ số tiền còn thiếu là 769.530.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo như bản án sơ thẩm đã tuyên và 30.000.000 đồng tiền phạt bổ sung cùng 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, do bị cáo đã khắc phục nộp lại đầy đủ số tiền liên quan đến hành vi phạm tội, tiền phạt bổ sung, tiền án phí hình sự sơ thẩm và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại phiên tòa phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng. Đề nghị HĐXX chuyển từ hình phạt tù cho bị cáo sang áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo từ 250.000.000đ đến 300.000.000đ.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Hà Thị Ng không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi của bị cáo Hà Thị Ng thì thấy: Từ ngày 05/5/2018 (tức ngày 20/3/2018 âm lịch) đến ngày 08/10/2019 (tức ngày 10/9/2019 âm lịch), trên địa bàn thành phố B, Hà Thị Ng có hành vi cho vay lãi nặng bằng hình thức bóc lột họ và vay trả lãi theo tháng đối với bà Trần Thị Ch và ông Nguyễn Văn Giang.

Khi cho bà Ch vay tiền Ng đã thu tiền lãi của các khoản vay bắt họ 5.000.000 đồng, trả trong 30 ngày với mức lãi suất 1,68%/1 ngày; 50,4%/1 tháng; 604,8%/1 năm gấp 30,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; bắt 10.000.000 đồng, trả trong 50 ngày, tương đương lãi suất 1%/1 ngày; 30%/1 tháng; 365%/1 năm gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; bắt họ 20.000.000 đồng, trả trong 100 ngày, với lãi suất 1%/1 ngày; 30%/1 tháng; 365%/1 năm gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; bắt 200.000.000 đồng, trả

trong 100 ngày, tương đương với lãi suất 0,3%/1 ngày; 9%/1tháng; 109,5%/1 năm gấp 5,5 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Khi cho anh Giang vay tiền Ng đã thu tiền lãi của các khoản vay 5.000.000 đồng, trả trong 450.000 đồng/tháng tương đương với mức lãi suất 0.3%/1 ngày; 9%/1 tháng; 108%/1 năm gấp 5,5 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền bị cáo Ng cho bà Ch và anh Giang vay là 890.000.000 đồng; tổng số tiền lãi bị cáo Ng thu được là 283.850.000 đồng; tổng số tiền thu lời bất chính là 237.320.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Thị Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng, HĐXX thấy:

[3.1]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình sinh sống, lao động bị cáo chấp hành tốt các quy định của nhà nước; được các tổ chức ghi nhận và tặng thưởng nhiều giấy khen. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục nộp lại đầy đủ số tiền còn thiếu là 769.530.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo như bản án sơ thẩm đã tuyên và 30.000.000 đồng là hình phạt bổ sung cùng 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và và mục 5, mục 7 phần I Về hình sự Văn bản số 212/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao “V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử”.

[3.3] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Hà Thị Ng có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, HĐXX thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển từ áp dụng hình phạt tù cho bị cáo sang áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Hà Thị Ng, xử phạt bị cáo 230.000.000đ nhưng được trừ vào số tiền 30.000.000đ bị cáo đã nộp đối với hình phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn thiếu

là 200.000.000đ để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đã đề nghị nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[5]. Đối với kháng xin giảm nhẹ hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: HĐXX đã chuyển áp dụng hình phạt tù cho bị cáo sang áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, cũng vì vậy nội dung kháng cáo này của bị cáo là không có cơ sở để xem xét.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí.

[7]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xử:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ng, sửa bản án sơ thẩm: Chuyển từ hình phạt tù cho bị cáo sang áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Ng 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xác nhận bị cáo đã nộp 30.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000527 ngày 19/10/2021 và số 0000529 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, bị cáo phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Về các biện pháp tư pháp và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Hà Thị Ng phải nộp lại tổng số tiền 936.530.000 đồng (trong đó: Số tiền gốc cho vay là 890.000.000đ và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 46.530.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 167.000.000 đồng bị cáo đã nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra và đã được gửi tại kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang theo Công văn số 1160/CV-CQĐT ngày 03/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra và theo Phiếu nhập kho ngày 04/5/2021 của Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang. Bị cáo còn phải nộp tổng số tiền là 769.530.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp đủ số tiền 769.530.000đ theo các biên lai thu tiền số: 0000530 ngày 21/10/2021, 0000549 ngày 01/11/2021 và 0000563 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Trả lại bị cáo Hà Thị Ng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, vỏ màu đen, lắp sim 0335.036.963, có số IMEI1: 351580078339237, số IMEI2: 351580078339245 đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại chị Hà Thị Hiệp số tiền 36.100.000 đồng

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm và án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Thị Ng không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Hà Thị Ng đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000527 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu